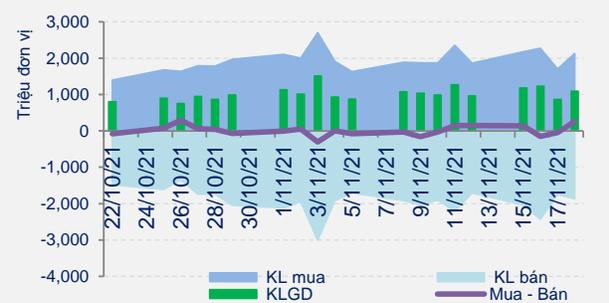
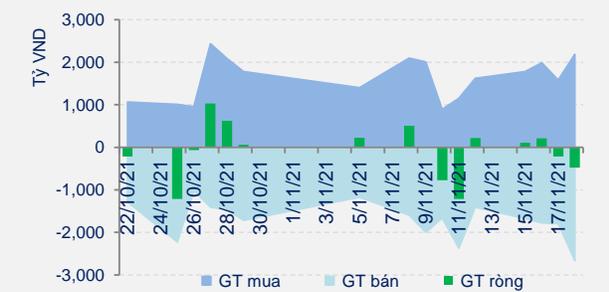


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,469.83	468.73
% Thay đổi	↓ -0.41%	↑ 1.25%
KLGD (CP)	1,090,525,756	172,162,453
GTGD (tỷ đồng)	34,911.94	4,483.83
Tổng cung (CP)	1,868,222,900	222,672,200
Tổng cầu (CP)	2,128,246,700	220,956,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	56,514,992	1,364,119
KL mua (CP)	42,228,842	690,730
GT mua (tỷ đồng)	2,186.98	16.80
GT bán (tỷ đồng)	2,660.48	28.73
GT ròng (tỷ đồng)	(473.49)	(11.92)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.92%	24.7	3.9	1.4%
Công nghiệp	↑ 1.33%	24.6	3.2	13.7%
Dầu khí	↓ -2.42%	21.0	2.2	2.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.22%	-	6.0	4.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.16%	18.0	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.42%	23.5	4.1	8.3%
Ngân hàng	↓ -0.87%	11.6	2.3	9.7%
Nguyên vật liệu	↓ -1.62%	12.1	2.8	23.6%
Tài chính	↑ 0.73%	20.4	3.5	33.2%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.56%	17.7	3.0	2.4%
VN - Index	↓ -0.41%	17.5	3.0	
HNX - Index	↑ 1.25%	25.6	5.3	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản trên mức trung bình. Cụ thể, VN-Index giảm 6,02 điểm (-0,41%) xuống 1.469,83 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 279 mã tăng, 39 mã tham chiếu, 245 mã giảm. HNX-Index tăng 5,78 điểm (+1,25%) lên 468,73 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 167 mã tăng, 43 mã tham chiếu, 121 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.222 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 37.253 tỷ đồng. Nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn như GAS (-3,1%), FPT (-1,8%), HPG (-2,8%), MSN (-1,7%), VIC (-1,9%), SAB (-1,3%), HVN (-2,3%)... cùng với các cổ phiếu ngân hàng như ACB (-2,4%), CTG (-0,3%), MBB (-1,4%), STB (-1,3%), VCB (-1%), VIB (-1,4%), VPB (-2,1%), LPB (-1,7%), TCB (-1,3%)... đồng loạt bị bán mạnh trong phiên ATC đã khiến thị trường đóng cửa ở mức thấp nhất, dù phần lớn thời gian giao dịch trước đó là trong sắc xanh. Nhóm cổ phiếu thép chịu áp lực bán khá mạnh trong bối cảnh giá thép thế giới đang trong xu hướng giảm, có thể kể đến các cổ phiếu như HPG (-2,8%), HSG (-6,1%), NKG (-5%), TLH (-5,1%), TVN (-5,3%), SMC (-5,4%)... Nhóm phân bón cũng bị bán mạnh khiến nhiều mã giảm sâu như DPM (-5,6%), DCM (-5,7%), LAS (-4,1%), DDV (-2,7%)... Ở chiều ngược lại, dòng tiền tiếp tục đổ mạnh vào nhóm bất động sản, xây dựng giúp hàng loạt mã đóng cửa tăng mạnh, thậm chí tăng trần như ASM (+6,8%), CEO (+9,9%), CII (+6,9%), DIG (+7%), FLC (+6,8%), ITA (+6,6%), PTC (+7%), QCG (+6,8%), VPH (+6,7%)... Các cổ phiếu chứng khoán cũng bứt phá ngoạn mục, trong đó BSI (+6,9%), CTS (+6,9%), AGR (+6,8%), SSI (+7%), VIX (+6,9%), ART (+9,5%), WSS (+10%)... tăng trần.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Lại thêm một phiên đảo hạm hợp đồng tương lai VN30 khá điển hình nửa khi mà lực mua hoặc bán gia tăng mạnh trong phiên ATC và hôm nay thì lực bán áp đảo khiến cho VN30 giảm 1.06%. Tuy nhiên, với phiên giảm điểm tương đối nhẹ của chỉ số Vn-Index (-0,41%) thì xu hướng hiện tại của thị trường vẫn không có gì thay đổi và chỉ số này vẫn duy trì khả năng hướng tới kháng cự tâm lý 1.500 điểm trong thời gian tới. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 19/11, VN-Index có thể sẽ tăng điểm trở lại với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và đã mua thêm trong phiên 11/11 khi thị trường test hỗ trợ 1.450 điểm có thể tiếp tục nắm giữ và gia tăng tỷ trọng nếu có nhịp test lại hỗ trợ 1.450 điểm lần nữa.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/11/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 1.482,87 điểm. Nhưng từ khoảng 14h trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số dần điều chỉnh xuống dưới ngưỡng tham chiếu và gia tăng trong phiên ATC khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 6,02 điểm (-0,41%) xuống 1.469,83 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS giảm 3.600 đồng, VIC giảm 1.800 đồng, HPG giảm 1.450 đồng. Ở chiều ngược lại, BID tăng 900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 469,9 điểm. Có thời điểm, chỉ số cũng điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 462,02 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 5,78 điểm (+1,25%) lên 468,73 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHS tăng 2.900 đồng, IPA tăng 5.600 đồng, CEO tăng 2.600 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS giảm 1.200 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 472,82 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 11 triệu đơn vị. SSI là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 290 tỷ đồng tương ứng với 6 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 237,8 tỷ đồng tương ứng với 4,7 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHM là mã được mua ròng nhiều nhất với 119,9 tỷ đồng tương ứng với 1,4 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 11,92 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 673 nghìn cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 12 tỷ đồng tương ứng với 418 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là IVS với 2,4 tỷ đồng tương ứng với 131 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,7 tỷ đồng tương ứng với 22 nghìn cổ phiếu.

TIN TINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay với khối lượng khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra trong phiên hôm nay là tương đối mạnh, nhất là trong phiên ATC trong ngày đáo hạn hợp đồng tương lai VN30F2111.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.540 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên điều chỉnh nhẹ hôm nay (-0,41%) và nhất là chủ yếu do áp lực bán về cuối phiên trong ngày đáo hạn VN30F2111 thì xu hướng tăng của thị trường thuộc về sóng 5 vẫn chưa có gì thay đổi và khả năng để thị trường tiếp tục hướng đến những ngưỡng cao hơn trong thời gian tới mà gần nhất là kháng cự tâm lý 1.500 điểm là có thể xảy ra.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể sẽ lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu giá thấp.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 19/11, VN-Index có thể sẽ tăng điểm trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với kháng cự tâm lý 1.500 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

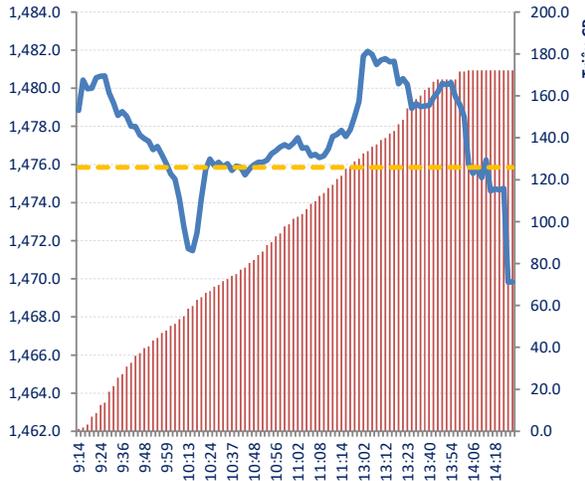
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61 - 61,7 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng không đổi	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 19/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.164 VND/USD, giữ nguyên so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

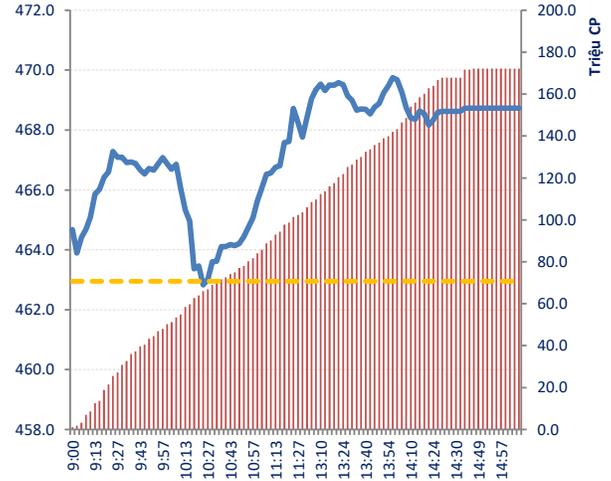
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 3,3 USD/ounce tương ứng với 0,17% xuống 1.867 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,081 điểm tương ứng 0,08% xuống 95,745 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1330 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3506 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,22 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,4 USD/thùng tương ứng với 0,52% xuống 77,16 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 17/11, Dow Jones giảm 211,17 điểm tương đương 0,58% xuống 35.931,05 điểm. Nasdaq giảm 52,28 điểm tương đương 0,33% xuống 15.921,57 điểm. Nasdaq Composite giảm 12,23 điểm tương đương 0,26% xuống 4.688,67 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



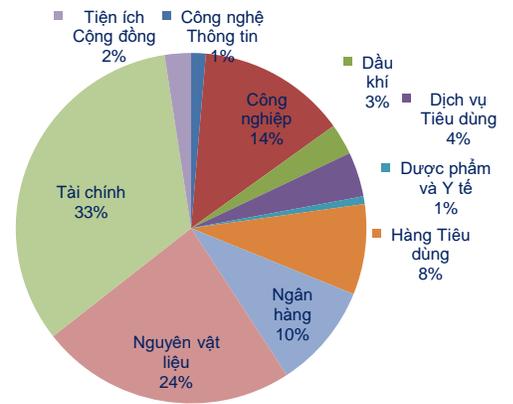
KLGD và HNX-Index trong phiên



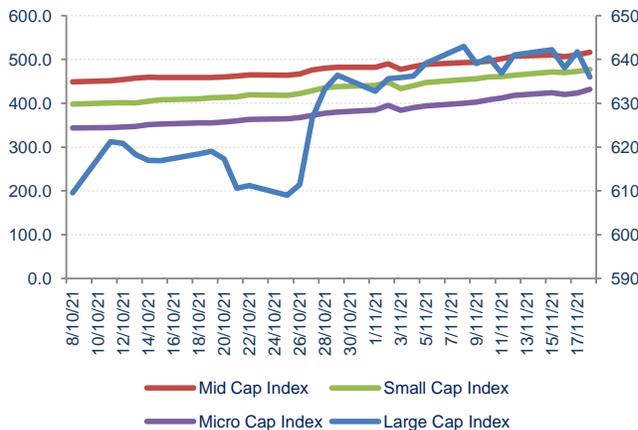
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



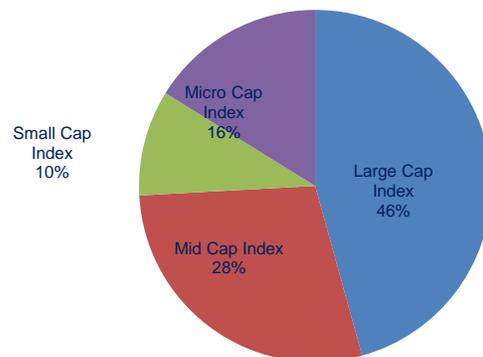
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	3,291,900	SSI	5,959,000
2	VHM	1,443,000	HPG	4,731,700
3	KBC	811,600	HSG	2,091,400
4	HAG	575,200	VND	1,646,000
5	BID	445,300	VPB	1,550,200

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DST	100,000	CEO	418,100
2	C69	70,000	KVC	230,870
3	TA9	48,000	IVS	131,300
4	TDN	38,000	BTS	62,000
5	NDN	36,100	NBC	41,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	51.40	49.95	↓ -2.82%	60,992,800
SSI	45.85	49.05	↑ 6.98%	41,258,900
FLC	14.60	15.60	↑ 6.85%	33,442,100
HQC	6.41	6.85	↑ 6.86%	31,185,300
POW	14.15	14.65	↑ 3.53%	31,056,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	29.20	28.00	↓ -4.11%	16,250,733
ART	13.70	15.00	↑ 9.49%	10,373,969
KLF	6.60	6.70	↑ 1.52%	9,931,271
SHS	48.60	51.50	↑ 5.97%	9,731,188
TVC	27.00	28.10	↑ 4.07%	5,463,776

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FTM	6.00	6.42	0.42	↑ 7.00%
TEG	16.45	17.60	1.15	↑ 6.99%
PLP	17.15	18.35	1.20	↑ 7.00%
DIG	67.20	71.90	4.70	↑ 6.99%
APG	23.60	25.25	1.65	↑ 6.99%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
WSS	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
DTC	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
VC9	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
LIG	17.00	18.70	1.70	↑ 10.00%
L62	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EMC	22.35	20.80	-1.55	↓ -6.94%
HU3	11.80	11.00	-0.80	↓ -6.78%
HSG	42.50	39.90	-2.60	↓ -6.12%
COM	44.75	42.20	-2.55	↓ -5.70%
DCM	38.70	36.50	-2.20	↓ -5.68%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ECI	48.00	43.20	-4.80	↓ -10.00%
SGC	69.60	62.70	-6.90	↓ -9.91%
KHS	34.00	30.90	-3.10	↓ -9.12%
SDG	32.40	29.50	-2.90	↓ -8.95%
BST	18.00	16.50	-1.50	↓ -8.33%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	416.42	44.7%	7,085	7.3	2.7
SSI	349.47	16.5%	2,063	22.2	2.6
GEX	231.10	8.6%	1,978	23.2	1.8
VND	188.26	34.3%	4,966	15.0	3.4
DGC	135.39	29.1%	7,717	21.2	5.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-90.47	18.1%	3,439	9.4	1.6
GAB	-58.38	1.1%	130	1,513.0	16.7
KBC	-49.86	6.0%	1,553	33.6	2.0
VHM	-48.34	38.3%	8,968	9.3	3.0
DGW	-45.20	31.6%	4,739	26.4	7.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	8.39	34.3%	4,966	15.0	3.4
KBC	4.08	6.0%	1,553	33.6	2.0
TVB	3.06	27.6%	2,745	10.7	2.5
NLG	2.92	13.6%	4,688	13.7	1.7
VNM	2.29	31.0%	5,037	17.6	5.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	-8.86	19.2%	2,757	16.4	2.9
HPG	-6.75	44.7%	7,085	7.3	2.7
PVT	-6.15	11.4%	2,270	11.4	1.3
DBC	-4.34	21.6%	8,515	8.0	1.6
PXS	-3.76	1.1%	63	140.6	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GAB	58.40	1.1%	130	1,513.0	16.7
APH	43.93	1.6%	455	96.3	1.4
TPB	17.13	23.1%	4,366	9.9	2.0
DXS	13.16	16.0%	2,911	10.7	1.4
SHB	10.87	17.8%	2,187	10.8	1.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-220.19	8.6%	1,978	23.2	1.8
HPG	-178.48	44.7%	7,085	7.3	2.7
DGC	-145.60	29.1%	7,717	21.2	5.5
VIC	-100.21	2.9%	1,111	86.7	2.2
NBB	-86.07	28.3%	6,398	7.3	2.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	122.67	38.3%	8,968	9.3	3.0
CTG	105.44	18.1%	3,439	9.4	1.6
MSN	46.52	8.4%	2,032	74.0	5.5
DGW	43.73	31.6%	4,739	26.4	7.6
KBC	38.90	6.0%	1,553	33.6	2.0

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-287.93	16.5%	2,063	22.2	2.6
HPG	-231.19	44.7%	7,085	7.3	2.7
VND	-137.17	34.3%	4,966	15.0	3.4
HSG	-86.27	48.0%	8,817	4.8	1.9
VPB	-55.37	21.2%	2,772	13.0	2.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	60,992,800	44.7%	7,085	7.3	2.7
SSI	41,258,900	3250.0%	2,063	22.2	2.6
FLC	33,442,100	13.1%	1,967	7.4	1.1
HQC	31,185,300	0.1%	9	725.2	0.7
POW	31,056,300	8.6%	1,167	12.1	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,250,733	4.6%	1,238	23.6	1.1
ART	10,373,969	0.3%	32	433.4	1.2
KLF	9,931,271	0.1%	6	1,086.1	0.6
SHS	9,731,188	25.5%	3,258	14.9	2.3
TVC	5,463,776	28.3%	5,856	4.6	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FTM	↑ 7.0%	-73.9%	(3,615)	-	1.7
TEG	↑ 7.0%	4.0%	507	32.4	2.3
PLP	↑ 7.0%	9.2%	1,054	16.3	1.5
DIG	↑ 7.0%	13.1%	1,532	43.9	5.1
APG	↑ 7.0%	13.2%	1,068	22.1	1.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
WSS	↑ 10.0%	8.7%	885	16.9	1.4
DTC	↑ 10.0%	6.4%	675	23.7	1.5
VC9	↑ 10.0%	-67.4%	(7,560)	-	2.2
LIG	↑ 10.0%	1.6%	221	76.8	1.3
L62	↑ 10.0%	0.1%	17	459.0	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	3,291,900	18.1%	3,439	9.4	1.6
VHM	1,443,000	38.3%	8,968	9.3	3.0
KBC	811,600	6.0%	1,553	33.6	2.0
HAG	575,200	-18.4%	(1,220)	-	1.5
BID	445,300	12.0%	2,484	17.6	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DST	100,000	2.1%	211	36.4	0.8
C69	70,000	4.6%	636	30.5	1.7
TA9	48,000	12.7%	1,499	9.6	1.3
TDN	38,000	16.5%	2,173	7.8	1.3
NDN	36,100	28.9%	3,986	6.3	1.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	366,442	2.9%	1,111	86.7	2.2
VHM	363,590	38.3%	8,968	9.3	3.0
VCB	363,470	20.4%	5,696	17.2	3.3
HPG	229,908	44.7%	7,085	7.3	2.7
GAS	224,698	16.9%	4,384	26.8	4.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	91,770	25.2%	4,694	55.9	15.9
IDC	24,390	11.8%	1,805	45.0	5.2
KSF	23,700	8.8%	771	102.5	4.0
VCS	19,648	41.5%	11,163	11.0	4.2
BAB	17,021	8.6%	979	23.1	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HAI	2.69	0.7%	87	82.8	0.6
DAH	2.57	0.1%	11	953.4	1.1
SCR	2.55	5.5%	740	24.3	1.3
DRH	2.31	2.1%	292	84.0	1.7
VOS	2.26	54.5%	2,573	8.8	3.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	2.55	-4.7%	(606)	-	2.1
PSI	2.42	2.9%	300	70.6	2.0
APS	2.30	22.8%	1,797	30.4	4.9
VIG	2.28	-2.5%	(137)	-	2.5
KLF	2.26	0.1%	6	1,086.1	0.6



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
